TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/2026/QĐST-DS	*Hải Phòng, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 475/2026/TLST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Công ty Cổ phần M (viết tắt là MARS); địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền Công ty Cổ phần M: Bà Nguyễn Ngọc L - Chuyên viên xử lý nợ theo Văn bản ủy quyền số 2284/2026/UQ-MARS.VPB ngày 01/6/2026.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây viết tắt: V1); Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 03/4/1991, căn cước công dân số 031091004574 - Cán bộ xử lý nợ theo Văn bản ủy quyền số 966/2025/UQ-VPBANK ngày 01/11/2025 và ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/12/1988, căn cước công dân số 031088013726 - Cán bộ xử lý nợ theo Văn bản ủy quyền số 0703/2026/UQN-PLTH2 ngày 01/3/2026.

Bị đơn:

- Anh Hoàng Văn C; sinh ngày 29/11/2000; căn cước công dân số 031200010800; địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường A, thành phố Hải Phòng;

- Chị Hà Thị Huyền T1; sinh ngày 08/7/2000, căn cước công dân số: 031300004856, địa chỉ: Tổ dân phố C, phường A, thành phố Hải Phòng;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Công ty Cổ phần J (viết tắt là JUPITER); địa chỉ: Tầng A, Tòa À, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần J: Ông Nguyễn Lê Q, sinh ngày 12/02/1992, căn cước công dân số 031092005710 - chuyên viên xử lý nợ

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ gốc, nợ lãi:

- Tính đến ngày 07/8/2026, anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị Huyền T1 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, Công ty cổ phần M với tổng số tiền là 1.013.310.715đ (Một tỷ, không trăm mười bà triệu, ba trăm mười nghìn, bảy trăm mười lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc: 628.329.837đ. Nợ lãi: 384.980.878đ, trong đó: Lãi trong hạn là 35.014.545 đồng; Lãi quá hạn là 349.966.333 đồng theo Hợp đồng cho vay số LN2210137076842 ngày 21 tháng 10 năm 2022; Hợp đồng cho vay số LN2210137077472 ký ngày 22/10/2022 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 25/10/2022; Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 13/10/2022. Cụ thể:

Tổng số tiền anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị H1 còn nợ Công ty cổ phần M tổng số tiền là 1.004.045.985 đồng. Trong đó: Nợ gốc 622.300.913 đồng; nợ lãi trong hạn: 34.664.399 đồng, nợ lãi quá hạn: 347.080.673 đồng.

Tổng số tiền anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị H1 còn nợ V1 tổng số tiền là: 9.264.730 đồng. Trong đó: Nợ gốc 6.028.924 đồng; nợ lãi trong hạn: 350.146 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.885.660 đồng.

- Tính đến ngày 07/8/2026, anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị Huyền T1 còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, Công ty Cổ phần J tổng số tiền tính đến ngày 07/8/2026 là: 330.168.873đ (Ba trăm ba mươi nghìn, một trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc: 230.406.838đ. Nợ lãi: 99.762.035đ, trong đó: Lãi trong hạn là 1.864.206đ đồng; Lãi quá hạn là 97.897.829 đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309090209830 ngày 14/9/2023 và Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/10/2024. Cụ thể:

Tổng số tiền anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị H1 còn nợ Công ty Cổ phần J là 300.377.408 đồng. Trong đó: Nợ gốc 208.406.838 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.677.785 đồng, nợ lãi quá hạn: 90.292.785 đồng.

Tổng số tiền anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị H1 còn nợ V1 tổng số tiền là: 29.791.465 đồng. Trong đó: Nợ gốc 22.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 186.421 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.605.044 đồng

Kể từ ngày 08/8/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay này, anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị Huyền T1 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2210137076842 ký ngày 21/10/2022; Hợp đồng cho vay số LN2210137077472 ký ngày 22/10/2022; Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ký ngày 25/10/2022 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13/10/2022; Hợp đồng cho vay số LN2309090209830 ngày 14/9/2023; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/10/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, Công ty cổ phần M, Công ty Cổ phần Jupiter AMC

2.2. Về tài sản thế chấp:

Để đảm bảo các khoản vay nêu trên, anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị Huyền T1 đã tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số số 661A, Tờ bản đồ số: 17, địa chỉ: Thôn D, Xã L, Huyện A, Thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 219590, Số vào sổ cấp GCN: CH00123 do Ủy ban nhân dân Huyện A, Thành phố Hải Phòng cấp ngày 31/12/2015; Ngày 25/8/2022 tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H - Chi nhánh Huyện A đã xác nhận tặng cho ông Hoàng Văn C cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số: 7076842 ngày 19/10/2022, số công chứng: 19952/HĐTC/2022, Quyển số: 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/10/2022 tại Văn phòng C1, thành phố Hải Phòng giữa anh Hoàng Văn C và Ngân hàng thương mại cổ phần V tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp, đã được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Đến hết ngày 07/09/2026, anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị Huyền T1 phải trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào số tiền gốc các khoản vay đã ký kết với Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số LN2210137076842 ngày 21 tháng 10 năm 2022; Hợp đồng cho vay số LN2210137077472 ký ngày 22/10/2022 và Giấy

đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 25/10/2022; Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 13/10/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309090209830 ngày 14/9/2023 và Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 31/10/2024. Đến hết ngày 07/10/2026, anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị Huyền T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, Công ty cổ phần M, Công ty Cổ phần J AMC toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi còn lại phát sinh đến ngày tất toán. Trường hợp anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị Huyền T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng xử lý tài sản do anh Hoàng Văn C đã thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị Huyền T1 phải có nghĩa vụ trả nợ hết cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, Công ty cổ phần M, Công ty Cổ phần J. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp, nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán cho ngân hàng thừa thì số tiền chênh lệch được trả cho anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị Huyền T1.

2.4. Về án phí: Anh Hoàng Văn C và chị Hà Thị Huyền T1 phải chịu 26.152.194đ (Hai mươi sáu triệu, một năm mươi hai nghìn, một trăm chín mươi tư đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 697.000đ (Sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000250 ngày 07/7/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Trả lại Công ty cổ phần M số tiền 19.128.290đ (Mười chín triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0008622 ngày 24/12/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Trả lại Công ty Cổ phần J số tiền 6.939.000 (Sáu triệu, chín trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000251 ngày 07/7/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

2.5. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, Công ty cổ phần M, Công ty Cổ phần J không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6, 7, 8 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tuấn Anh